

Bản án số: 146/2023/HNGĐ- ST  
Ngày 29 tháng 12 năm 2023  
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhiên.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đại - Cán bộ Trung tâm y tế huyện Y
2. Bà Ngô Thị Thanh Tân - Giáo viên trường Tiểu học YI.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Nam Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thục L, sinh năm 1992; HKTT: thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh H; Nơi ở: thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh H. (có mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy V, sinh năm 1991; trú tại: thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh H. (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 19/6/2015; (vắng mặt)

- Cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 31/8/2016; (vắng mặt)

Đều trú tại: thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật của cháu H và cháu Th: Chị Phạm Thục L và anh Nguyễn Huy V (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Phạm Thục L và anh Nguyễn Huy V kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr vào ngày 09 tháng 10 năm 2014. Sau khi tổ chức kết hôn, chị L về chung sống với anh V tại thôn N, xã Tr, huyện Y, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo

chị L nguyên nhân mâu thuẫn kể từ khi sinh con thứ hai, anh V không chịu làm ăn, không đưa tiền nuôi con cho chị, vợ chồng thường cãi chửi nhau, anh V mở quán bán nước và đồ ăn vặt ở thôn T, xã TL, anh V hầu như chỉ ở trên quán, không về nhà, không trông nom gì đến các con cũng như không đưa tiền cho chị để nuôi con, con cái ốm đau đi bệnh viện khám bệnh, mua thuốc ... đều do một mình chị lo liệu, quá ức chế chị đã đưa con về nhà bố mẹ để sống một thời gian, để bố mẹ chị đỡ dần chị việc chăm sóc con, anh V làm ăn thua lỗ và về nhà gây gỗ, cãi chửi nhau, thậm chí còn đánh nhau với chị. Đến tháng 8/2022 chị đã chính thức ly thân với anh V, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai biết người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không yêu thương quý trọng nhau nên chị đề nghị được ly hôn với anh V. Theo anh V nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng về kinh tế gia đình, anh đầu tư mở quán kinh doanh bị thua lỗ nhưng chị L không chia sẻ động viên mà còn chì chiết, trách móc anh không quan tâm gia đình, vợ con, vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi nhau, có lúc còn xô xát với nhau, bên cạnh đó, chị L không đi làm, chỉ ở nhà trông con và làm việc nhà, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do anh đi làm để lo liệu, công việc và cuộc sống gia đình không hòa thuận khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, cãi nhau. Tháng 8/2022 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh có sang nói chuyện và đón chị L về nhưng chị L không về, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc hay quan tâm hoặc có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị L làm đơn ly hôn, anh cũng nhất trí, đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Về con chung: chị L và anh V đều công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 31/8/2016. Hiện nay các cháu đang ở với anh V. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi một trong hai con chung, cháu nào cũng được. Anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu thành niên, còn nếu anh không được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh nhất trí để chị L được nuôi dưỡng cả hai con chung. Cả chị L và anh V đều không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị L buôn bán tạp hóa tại gia đình, thu nhập khoảng 300.000đ/ngày. Ngoài ra chị L còn được hưởng trợ cấp hàng tháng theo diện là con của người nhiễm chất độc hóa học, mức trợ cấp là 1.233.000đ/tháng. Anh V hiện làm nghề tự do mức thu nhập khoảng 7.000.000đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ, công sức chung vợ chồng và các vấn đề khác: Chị L và anh V đều không yêu cầu giải quyết.

Cháu Nguyễn Đức H và cháu Nguyễn Đức Th đều có nguyện vọng được ở với anh V.

\* Người làm chứng:

- Ông Phạm Thế V1 trình bày: Việc kết hôn, mâu thuẫn và con chung của chị L và anh V như chị L trình bày, trước đây, khi chị L sinh con nhỏ, anh V không chăm sóc cho mẹ con chị L nên chị L đã mang con về sống với gia đình nhà ông đến khi hai cháu học hết lớp 2, lớp 3 mới chuyển về sinh sống với anh V, hiện nay ông mở phòng khám tại địa phương và chị L ngoài việc bán hàng tạp hóa thì có phụ giúp ông tại phòng khám nên hàng tháng ông đều trả chị L thêm tiền để chị L sinh hoạt và tích lũy. Ông có ý định cho chị L phần đất để chị L làm nhà, hiện nay chị L đang sinh sống cùng ông nếu chị L được nuôi dưỡng con chung ông sẽ hỗ trợ chị L và các cháu điều kiện sống tốt nhất.

\* UBND xã T cung cấp: Chị Phạm Thục L đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T. Hiện tại chị L làm nghề buôn bán tạp hóa tại gia đình, thu nhập khoảng 300.000đ/ngày. Ngoài ra chị L còn được hưởng trợ cấp hàng tháng theo diện là con của người nhiễm chất độc hóa học, mức trợ cấp là 1.233.000đ/tháng.

\* UBND xã Tr cung cấp: anh V và chị L có làm thụ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr. Sau khi kết hôn anh V và chị L chung sống tại thôn N, xã Tr. Khoảng giữa năm 2022, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã T sinh sống. Theo địa phương nắm được thì chị L và anh V có mâu thuẫn nên không thể chung sống cùng nhau, còn mâu thuẫn cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn cương quyết xin ly hôn và xin được nuôi dưỡng một con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị đang bán hàng tạp hóa tại địa phương mức thu nhập từ 300.000đồng/tháng.

Anh V công nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn tình cảm, nhưng vì các con anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh xác định mình không có biện pháp gì để khắc phục việc mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng, còn chị L cương quyết thì đề nghị giải quyết theo pháp luật và anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Ngày 24/11/2023 anh có ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH Tribeco Miền Bắc với mức lương là 6.714.225 đồng/ tháng, ngoài ra anh còn giữ chức Bí thư Đoàn thôn N mỗi tháng được hưởng phụ cấp là 1.080.000đồng.

Chị L không nhất trí đoàn tụ và cũng không nhất trí để anh V được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX xử cho chị L được ly hôn anh V; Về con chung: Giao chị L nuôi cháu Th, còn để anh V nuôi cháu H; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Cả chị L và anh V đều không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu H và cháu Th, tuy nhiên đã có đại diện theo pháp luật của các cháu tham gia phiên tòa và người làm chứng ông V1 vắng mặt, tuy nhiên ông V1 đã có lời khai trình bày việc mình chứng kiến, nên HĐXX, xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn anh V nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V là bị đơn cư trú tại xã Tr, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thục L kết hôn với anh Nguyễn Huy V vào ngày 09/10/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không cùng nhau thống nhất làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai biết người đó. Chị L cương quyết xin được ly hôn, phía anh V quá trình giải quyết đều có quan điểm nhất trí ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nhận thấy anh V xin đoàn tụ vợ chồng nhưng không có biện pháp dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng và mục đích đoàn tụ chính là để nuôi dạy con cái trong khi không còn tình cảm là không thích đáng. Mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh V đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị L là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị L và anh V sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 19/6/2015 và cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 31/8/2016. Ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng một con chung, còn anh V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên. HĐXX thấy, nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị L và anh V là chính đáng, chị L và anh V đều có chỗ ở, công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung như nhau, do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho chị L và anh V khi nuôi

con chung, các cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức Th hiện nay đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc, gần gũi, chỉ bảo thường xuyên của bố, mẹ trong cuộc sống và học tập. Do đó, cần giao cho anh V nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức H, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Th đến khi các cháu thành niên là phù hợp; các bên được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con, cả chị L và anh V đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết, là phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác và các vấn đề khác: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả chị L và anh V đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Áp dụng Điều 56, 81,82, 83, 84, 73 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thục L được ly hôn anh Nguyễn Huy V.

3. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thục L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 31/8/2016, anh Nguyễn Huy V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 19/6/2015 đến khi các cháu thành niên kể từ tháng 01 năm 2024. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị L là đại diện hợp pháp cho cháu Th, anh V là đại diện hợp pháp cho cháu H.

Vì lợi ích của con chung chị L và anh V, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh V đều có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thục L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009559 ngày 24/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, chị L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Tr;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

( Đã ký)

**Phan Thị Nhiên**